niú pí xuǎn

牛皮癣

noun · psoriasis

Example Sentences

tā dé le niú pí xuǎn pí fū hěn yǎng
他得了牛皮癣，皮肤很痒。

He got psoriasis, and his skin is very itchy.

yī shēng jiàn yì tā yòng yī zhǒng xīn yào zhì liáo niú pí xuǎn
医生建议他用一种新药治疗牛皮癣。

The doctor recommended he use a new medicine to treat psoriasis.

niú pí xuǎn shì yī zhǒng màn xìng zì shēn miǎn yì xìng jí bìng xū yào cháng qī guǎn lǐ
牛皮癣是一种慢性自身免疫性疾病，需要长期管理。

Psoriasis is a chronic autoimmune disease that requires long-term management.
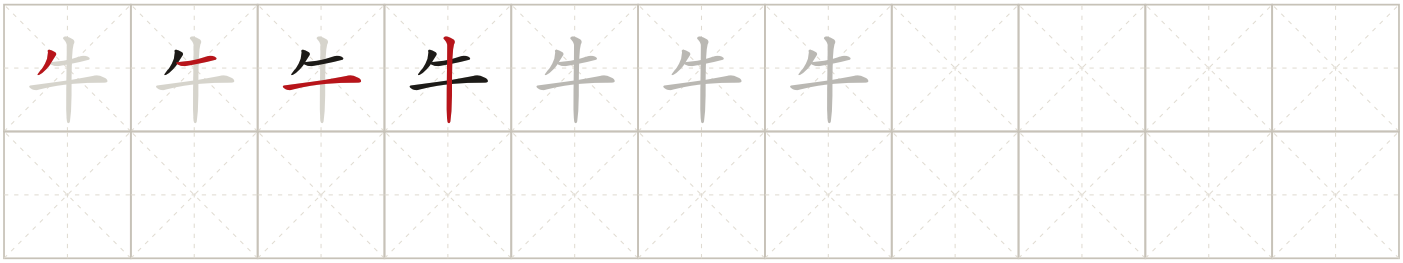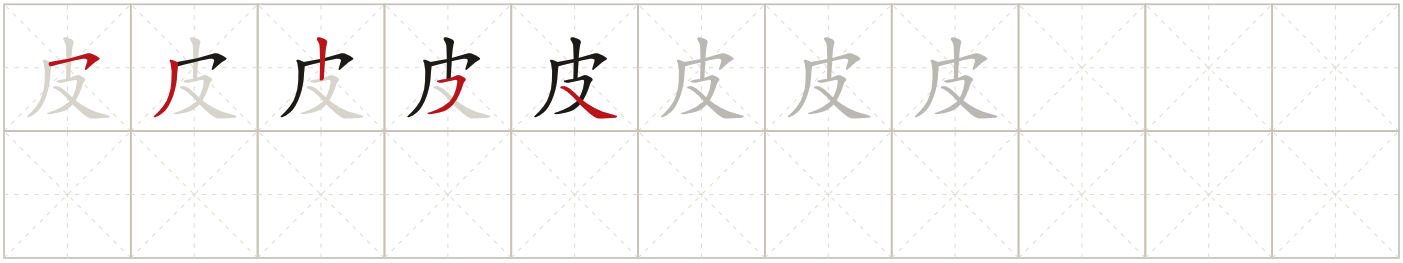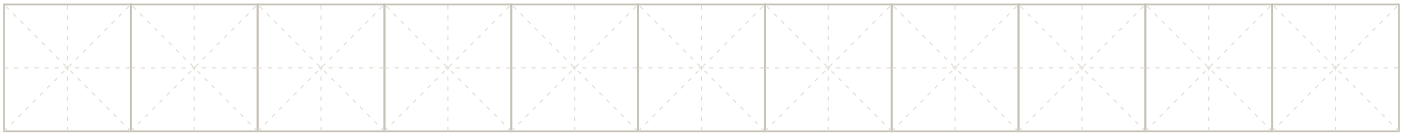
Trace each character, then write the word on your own.